

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG BÚK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 26/2022/DS-ST  
Ngày: 31 - 5 - 2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín  
dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Công Đạt.

2. Ông Y Mung Niê.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Quang Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021 về: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP ĐT và PT V.

Địa chỉ trụ sở chính: Tháp B, số 35, quận H, thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Ngân hàng).

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Đơn vị được ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng TMCP ĐT và PT V – Chi nhánh B. Do ông Nông Hà H – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh B là người đại diện (*Theo quyết định số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 của người đại diện theo pháp luật*).

- Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Anh Lê Minh T1 – chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch P - Chi nhánh B.

Địa chỉ: Quốc lộ 14, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Siu Th và bà H L Niê.

Cùng địa chỉ: Buôn E, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 29/4/2021, quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 05/4/2019 giữa Ngân hàng và ông Siu Th, bà H L đã ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2019/12285816/HĐTD, theo đó ông Siu Th và bà H L đã vay của Ngân hàng số tiền 130.000.000 đồng (*một trăm ba mươi triệu đồng*), Ngân hàng đã giải

ngân số tiền vay cho ông Siu Th, bà H L. Thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn là ngày 05/4/2020, mục đích vay để đầu tư, chăm sóc cà phê, tiêu và đầu tư trồng tiêu. Với lãi suất cho vay trong hạn là 11,6%/năm và được điều chỉnh khi có sự thay đổi lãi suất cho vay của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh do Ngân hàng quyết định. Lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ông Siu Th, bà H L phải trả lãi suất theo các kì gồm: Kì 1 trả vào ngày 05/7/2019, kì hai trả vào ngày 05/10/2019, kì 3 trả vào ngày 05/01/2020, kì 4 trả vào ngày 05/4/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng và đến nay khoản vay đã quá hạn, ông Siu Th, bà H L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu. Tính đến ngày 14/4/2021 ông Siu Th, bà H L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 157.642.078 đồng, trong đó nợ gốc là 130.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 18.128.877 đồng, lãi quá hạn là 9.513.201 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông Siu Th và bà H L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ nêu trên. Yêu cầu ông Siu Th và bà H L phải tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 15/4/2021 cho đến khi ông Siu Th và bà H L thanh toán xong toàn bộ dư nợ gốc 130.000.000 đồng cho Ngân hàng.

Về tài sản thế chấp: Khi vay ông Siu Th và bà H L có thể chấp cho Ngân hàng các tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/12285816/HĐBĐ ngày 04/4/2019, tài sản thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 28, tờ bản đồ số 54, diện tích 5.936,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Buôn E, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 831881, cấp ngày 24/4/2018, mang tên ông Siu Th và bà H L Niê.

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 26, tờ bản đồ số 54, diện tích 2.803,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Buôn E, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 830553, cấp ngày 28/12/2018, mang tên ông Siu Th và bà H L Niê.

Do ông Siu Th và bà H L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp ông Siu Th và bà H L Niê không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp nêu trên, đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/12285816/HĐBĐ ngày 04/4/2019 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Yêu cầu ông Siu Th và bà H L phải hoàn trả cho Ngân hàng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 600.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Siu Th và bà H L Niê đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Giấy báo

tham gia tố tụng, tham gia phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, các giấy báo tham gia phiên tòa nhưng ông Siu Th và bà H L vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu quan điểm:

Về tuân theo thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Siu Th, bà H L mặc dù đã được triệu tập họp lệ để tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Siu Th, bà H L là đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định ông Siu Th, bà H L đã ký kết hợp đồng tín dụng để vay vốn, ký hợp đồng thế chấp bất động sản. Khi đến hạn trả nợ ông Siu Th, bà H L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi phát sinh là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Siu Th, bà H L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc, lãi phát sinh tính đến ngày 14/4/2021. Buộc ông Siu Th, bà H L có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 15/4/2021 cho đến khi ông Siu Th, bà H L trả xong toàn bộ nợ gốc cho Ngân hàng là phù hợp. Trường hợp ông Siu Th, bà H L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền án phí: Đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng dân sự:

Từ khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn ông Siu Th, bà H L mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo họp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Siu Th, bà H L là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng tín dụng trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Krông Búk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh:

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất kinh doanh, hợp đồng tín dụng số 01/2019/12285816/HĐTD, ngày 05/4/2019 đã được ký kết giữa Ngân hàng và ông Siu Th, bà H L đã đủ căn cứ xác định, Ngân hàng đã cho ông Siu Th, bà H L vay số tiền 130.000.000 đồng, ông Siu Th, bà H L đã nhận đủ số tiền vay. Thời hạn vay là 12 tháng, ngày đến hạn là ngày 05/4/2020, với mức lãi vay trong hạn là 11,6%/năm, mục đích vay là để đầu tư chăm sóc cà phê, tiêu, đầu tư trồng tiêu, thỏa thuận về mức lãi suất quá hạn, lãi chậm trả đối với lãi suất chậm trả, phạt vi phạm theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Việc thỏa thuận, ký kết Hợp đồng tín dụng là có thật, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Siu Th, bà H L không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi khi đến hạn như đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Tính đến ngày 14/4/2021, ông Siu Th, bà H L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 157.642.078 đồng, trong đó nợ gốc là 130.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 18.128.877 đồng, lãi quá hạn là 9.513.201 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Siu Th, bà H L không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên Ngân hàng yêu cầu khởi kiện yêu cầu buộc ông Siu Th và bà H L phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền nợ nêu trên và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 15/4/2021 cho đến khi ông Siu Th và bà H L trả xong toàn bộ nợ gốc, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn:

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/12285816/HĐBĐ ngày 04/4/2019, giữa Ngân hàng và ông Siu Th, bà H L được ký kết trên cơ sở tự nguyện, được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của thửa đất số 28, tờ bản đồ số 54, diện tích 5.936,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Buôn E, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 831881, cấp ngày 24/4/2018, mang tên ông Siu Th và bà H L Niê và Quyền sử dụng đất của thửa đất số 26, tờ bản đồ số 54, diện tích 2.803,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Buôn E, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 830553, cấp ngày 28/12/2018 mang tên ông Siu Th và bà H L Niê.

Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì các thửa đất nêu trên có hiện trạng phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã được cấp, không có tranh chấp. Do đó, Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp ông Siu Th, bà H L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử

lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

Trường hợp ông Siu Th, bà H L trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 831881 và số BQ 830553 cho ông Siu Th, bà H L là phù hợp.

[2.3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 600.000 đồng, đã chi phí xong, do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên cần buộc ông Siu Th, bà H L hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 600.000 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc bị đơn ông Siu Th và bà H L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông Siu Th, bà H L Niê thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Siu Th, bà H L Niê, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 317, 318, 320, 322, 323, 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐT và PT V.

**1. Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ:** Buộc bị đơn ông Siu Th và bà H L Niê có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐT và PT V tổng số tiền tính đến ngày 14/4/2021 là 157.642.078 đồng, trong đó nợ gốc là 130.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 18.128.877 đồng, lãi quá hạn là 9.513.201 đồng.

- Buộc bị đơn ông Siu Th và bà H L Niê có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 15/4/2021 đến khi ông Siu Th và bà H L Niê thanh toán hết toàn bộ dư nợ gốc 130.000.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐT và PT V, với mức lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2019/12285816/HĐTD, ngày 05/4/2019.

**2. Về xử lý tài sản thế chấp:** Trong trường hợp bị đơn ông Siu Th và bà H L Niê không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐT và PT V thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số

01/2019/12285816/HĐBD, ngày 04/4/2019, xử lý đối với các tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất của thửa đất số 28, tờ bản đồ số 54, diện tích 5.936,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Buôn E, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 831881, cấp ngày 24/4/2018, mang tên ông Siu Th và bà H L Niê.

- Quyền sử dụng đất của thửa đất số 26, tờ bản đồ số 54, diện tích 2.803,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Buôn E, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 830553, cấp ngày 28/12/2018 mang tên ông Siu Th và bà H L Niê.

- Trong trường hợp bị đơn ông Siu Th và bà H L Niê trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐT và PT V mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐT và PT V có trách nhiệm trả lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 831881 và số BQ 830553 cho ông Siu Th, bà H L Niê.

### **3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:**

- Buộc bị đơn ông Siu Th và bà H L Niê phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐT và PT V số tiền 600.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

**4. Về án phí:** Bị đơn ông Siu Th và bà H L Niê thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.882.000 đồng (*đã làm tròn số tiền*) cho ông Siu Th, bà H L Niê.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐT và PT V số tiền 3.941.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0003647 ngày 18/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

**Hoàng Văn Văn**